TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2022/DS - ST
Ngày 06 tháng 6 năm 2022
V/v: "Tranh chấp về Phường, Hụi, Họ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GI.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô TH1 Thuần;

Các Hội thẩm nhân dân: 1 - Ông Nguyễn Xuân Hoàng

2 - Ông Đỗ Văn B

Thư K Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đ TH1 Hiệp – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Gi;

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Gi tham gia phiên toà: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Gi, xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ L số: 151/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021; về việc "Tranh chấp về Phường, Hụi, Họ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30A/2022/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST- HPT ngày 29/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐST- HPT ngày 24/5/2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn TR Hưng, xã M1TR, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Gi

Bị đơn: Anh Nghiêm Văn S, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Nội Xuân, xã M1TR, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Gi

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Chị Ngô Thị H, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ*:* Thôn Nội Xuân, xã M1TR, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Gi

Chị Nguyễn Thị V – Sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TR Hưng, xã M1TR, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Gi

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961(Có mặt)

Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1981(Có đơn xin vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956 (Có đơn xin vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957 (Có đơn xin vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn KH, sinh năm 1971 (Có đơn xin vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1996 (Có đơn xin vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977 (Có đơn xin vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1986 (Có đơn xin vắng mặt)

Ông Tạ Văn T, sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983 (Có đơn xin vắng mặt)

Ông Triều Văn Đ, sinh năm, 1963 (Có đơn xin vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1975 (Có đơn xin vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959 (Có đơn xin vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989 (Có đơn xin vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1989 (Có đơn xin vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1967 (Có đơn xin vắng mặt)

Đều ở địa chỉ: Xóm Cây Dung, thôn TR Hưng, xã M1TR, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Gi.

Ông Nguyễn Xuân L1, sinh năm 1959 (Có đơn xin vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn TH, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958 (Có đơn xin vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980 (Có đơn xin vắng mặt)

Đều ở địa chỉ: Xóm Nội Cả, thôn TR Hưng, xã M1TR, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Gi.

Chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TR Tâm, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Gi.

Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1975 (Có đơn xin vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn TH1, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị PH, sinh năm 1966 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đồng Bèo, thôn TR Hưng, xã M1TR, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Gi.

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1971 (Có đơn xin vắng mặt)

Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1969 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Bãi Cháy, thôn TR Hưng, xã M1TR, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc

Gi.

Ông Ngô M H, sinh năm 1965 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H Câu, xã H Lâm, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Gi.

Ông Tạ Văn T2, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)

Ông Tạ Huy H1, sinh năm 1969 (Có mặt)

Anh Tạ Văn H2, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đồng Chạo, thôn TR Hưng, xã M1TR, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Gi.

Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt)

Ông Ngô Văn V, sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt)

Anh Ngô Văn Gi, sinh năm 1981 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M1Phong, xã M1TR, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Gi.

Ông Nguyễn Văn CH, sinh năm 1964 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Xuân Gi, xã M1TR, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Gi.

Ông Nguyễn Văn TR, sinh năm, 1974 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Xuân Biều, xã Xuân C, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Gi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn B ngày 05/10/2021; Bản tự khai ;Biên bản ghi lời khai; Biên bản phiên họp tiếp cận, C khai chứng cứ; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh B trình bày:

Anh và anh Nghiêm Văn S là bạn bè người cùng xã, có quen biết làm ăn với nhau nhiều năm, anh S có ý kiến muốn chơi một cửa phường, để lấy vốn làm ăn, buôn bán, anh đồng ý nên đã đứng ra tổ chức hội phường, gọi mời người tham gia chơi, ngày 15/3//2019 anh tổ chức nhóm họp 38 người đăng K tham gia (Bao gồm cả chủ phường là anh), tổng số xuất phường là 44 xuất, do có một số người chơi hai xuất. Hội phường họp có lập biên bản họp phường; danh sách những người tham gia chơi phường. Hội phường đã thống nhất bầu anh là Tổ trưởng; bầu anh Tạ Huy H1 là tổ phó; anh Nguyễn Văn Đ làm thư K phường; thỏa thuận; Mỗi xuất phường pH đóng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/ Xuất/Tháng, người lấy phường trước pH đóng trả cho người lấy phường sau là 500.000 đồng tiền lãi, tức pH đóng 3.500.000 đồng/Xuất/Tháng cho đến người cuối cùng lấy phường. Thời gian đóng phường vào ngày 15 âm lịch hàng tháng nộp trực tiếp cho anh là tổ trưởng, nếu tH1 viên tham gia chơi phường không nộp tiền phường thì tổ trưởng có trách nhiệm đòi lại khoản tiền đó, hoặc khởi kiện đến Tòa án, cơ quan có thẩm quyền. Theo biên bản họp phường, danh sách tham gia chơi phường anh S K) thì anh Nghiêm Văn S tham gia chơi hai suất, anh S là người lấy phường thứ 3 ngày 15/5/2019 (Âm lịch). Tại biên bản giao nhận tiền phường ngày 19/5/2019 anh là trưởng phường đã giao cho anh Nghiêm Văn S số tiền phường là 127.000.000 đồng (Trừ chủ) anh Nghiêm Văn S là người viết đã

K nhận đủ tiền. Sau khi lấy tiền phường thì anh S đã bỏ phường và không đóng tiền phường theo thỏa thuận trong biên bản họp phường, anh đã đến đòi anh S nhiều lần nhưng anh S không trả và còn thách thức. Anh làm đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc anh Nghiêm Văn S và chị Ngô Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền là 127.000.000 đồng mà anh S đã nhận tiền phường của các tH1 viên tham gia chơi phường đã góp.

Tại phiên tòa anh xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, anh chỉ yêu cầu anh S trả số tiền là 126.000.000 đồng(42 xuất x 3.000.000 đồng) còn số tiền 1.000.000 đồng tiền lãi anh không yêu cầu, do dây phường chưa kết thúc đối với những xuất phường còn lại anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nghiêm Văn S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Thị H (Vợ anh S): Tòa án đã giao thông báo về việc thụ L vụ án cho anh S; chị H và tiến H1 niêm yết C khai theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến H1 mở phiện họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự, tòa án đã tiến H1 tống đạt và niêm yết C khai theo quy định của pháp luật và nhiều lần liên hệ điện thoại yêu cầu anh S đến Tòa án làm việc, nhưng anh S và chị H không đến Tòa án để làm việc mà không có bất cứ L do gì và không có bản khai, cũng như tài liệu chứng cứ thể hiện anh S đã đóng tiền phường cho anh B gửi cho Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2021 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị V vợ anh Nguyễn Văn B là Tổ Trưởng hội phường, chị yêu cầu anh Nghiêm Văn S pH trả số tiền đã lấy phường là 127.000.000 đồng ngày 19/5/2019.

Tại các bản tự khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Những người tham gia Hội phường) trong vụ án (BL 143 đến 178) gồm: Ông Nguyễn Văn Đ, Ông Nguyễn Văn S, Bà Nguyễn Thị X, Bà Nguyễn Thị S,Ông Nguyễn Văn KH, Anh Nguyễn Văn C, Bà Nguyễn Thị L, Ông Nguyễn Văn K, Ông Tạ Văn T, Anh Nguyễn Văn H, Ông Triều Văn Đ, Ông Nguyễn Văn B, Ông Nguyễn Văn M, Anh Nguyễn Văn L, Anh Nguyễn Văn M, Ông Nguyễn Văn S, Ông Nguyễn Xuân L1, Ông Nguyễn Văn TH, Ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị H, Anh Nguyễn Văn N, Chị Nguyễn Ngọc M, Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1975 Ông Nguyễn Văn TH1, Bà Nguyễn Thị PH, Ông Nguyễn Văn T1, Ông Đỗ Văn D, Ông Ngô M H, Ông Tạ Văn T2, Ông Tạ Huy H1, Anh Tạ Văn H2, Ông Ngô Văn Đ, Ông Ngô Văn V, Anh Ngô Văn Gi, Ông Nguyễn Văn CH, Ông Nguyễn Văn TR,

Đều khai nhận có tham gia Hội phường do anh B là hội trưởng, hội phường có 38 người chơi, tổng số 44 xuất, do có một số người chơi hai suất. Anh Nghiêm Văn S có tham gia chơi phường 02 xuất, sau khi lấy phường, anh Nghiêm Văn S không đóng tiền phường cho B để trả cho những người lấy phường sau. Do hội phường quy định anh B là trưởng phường, có trách nhiệm thu của những người tham gia hội phường để trả cho những người lấy phường sau, nếu chưa thu được thì anh B pH bỏ tiền của gia đình để đóng thay. Do vậy anh B pH bỏ tiền nhà ra để đóng thay đối với suất phường do anh S không đóng. Hiện nay những người chơi phường đã lấy phường đều đã được anh B giao tiền phường đầy đủ và không có yêu cầu gì, còn

những người chơi chưa lấy phường đều yêu cầu ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm thu và trả số tiền đã góp phường.

Đối với lời khai của anh Nguyễn Văn Đ và anh Tạ Huy H1 là tổ phó và thư K phường tại phiên tòa giữ nguyên ý kiến và lời khai đã trình bày trước đây, và xác nhận với tư cách là tổ phó và thư K phường các ông có cùng anh B đốn đốc anh S nộp tiền phường nhưng anh S không nộp và bỏ phường.

Tại phiên toà, Đ diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp H1 pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn đã chấp H1 đúng quy định, đối với bị đơn chưa chấp H1 đầy đủ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, Đ diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng các Điều 471; khoản 2 Điều 357, Điều 288 của B luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Điều 271; Điều 273; Điều 228; Điều 244 của B luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản L và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Buộc ông Nghiêm Văn S; chị Ngô Thị H pH có nghĩa vụ liên đới TH1 TH1 toán trả cho ông Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị V số tiền phường họ còn nợ là 126.000.000 đồng.

Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B.

Về án phí: anh Nghiêm Văn S và chị Ngô Thị H pH liên đới chịu 6.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn B pH chịu tiền án phí dân sự đối với phần không được chấp nhận, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh B đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn anh Nghiêm Văn S có nơi cư trú tại xã M1TR, huyện Hiệp Hòa nên Tòa án nơi bị đơn cư trú có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39 B luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng: Ông Nguyễn Văn B khởi kiện anh Nghiêm Văn S trả lại số tiền phường. Vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ

án được xác định là "Tranh chấp về phường, hụi, họ" theo quy định tại khoản 2 điều 26 B luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự anh Nguyễn Văn B là nguyên đơn và anh Nghiêm Văn S, là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 B luật Tố tụng dân sự.

Về tố tụng và thời hiệu khởi kiện: Bị đơn anh Nghiêm Văn S ;Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có L do, căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 B luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến H1 xét xử vụ án.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia chơi phường có đơn xin xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử vẫn tiến H1 xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227 B luật tố tụng dân sự

Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Khi quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm, nguyên đơn đã khởi kiện đối với bị đơn trong vụ án, vẫn trong thời hiệu 03 năm, kể từ ngày sảy ra tranh chấp, nên về thời hiệu vẫn còn. Nguyên đơn khởi kiện vụ án vẫn đảm bảo về thời hiệu, phù hợp quy định tại Điều 429 B luật dân sự 2015.

[2].***Về nội dung tranh chấp:***

* Xét yêu cầu của anh B yêu cầu anh S và chị H pH trả cho anh B số tiền 127.000.000 (Một trăm hai mươi bẩy triệu đông) tiền anh S còn nợ tiền phường Thấy rằng:

Ông Nguyễn Văn B và anh Nghiêm Văn S là chỗ quen biết, anh Nghiêm Văn S tự nguyện thỏa thuận về việc chơi hội phường ngày 15/3//2019 có biên bản họp phường và danh sách tham gia chơi phường mà anh S đã K được xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo biên bản họp phường, họ 15/3//2019 giữa các tH1 viên tham gia họp phường, họ đã có thỏa thuận về số tiền đóng phường, lãi suất, thời gian đóng góp phường họ, trách nhiệm của trưởng phường, họ cũng như trách nhiệm của các tH1 viên tại các biên bản họp phường. Như vậy, các bên đã giao kết về hợp đồng dân sự, việc giao kết này giữa các bên là hoàn T2 tự nguyện, về hình thức và nội dung của giao kết không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 398; 399; 400;401 của B luật dân sự năm 2015 tại thời điểm giao kết; phù hợp với quy định tại các Điều 5;6; 7;8 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Việc nguyên đơn (anh B) khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu bị đơn (anh S và chị H) pH hoàn trả lại số tiền phường đã nhận tại biên bản giao phường ngày 19/5/2019 là phù hợp với quy định của pháp luật. Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hụi, họ, biêu, phường được quy định tại tại Điều 471 của B luật dân sự năm 2015. Nội dung thỏa thuận phường, họ có lãi nên việc giải quyết tranh chấp giữa trưởng phường, họ với tH1 viên chơi phường trong vụ án được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 16, khoản 2 Điều 17, khoản 2, 3,4 Điều 18 và Điều 24 của Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường.

Tại Tòa án, anh B xuất trình các tài liệu thể hiện anh S đã nhận được đầy đủ số tiền phường mà anh S tham gia chơi. Phía S (Bị đơn); chị H(Người có quyền lợi và nghãi vụ liên quan) là vợ của anh S, đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ L vụ án, giấy triệu tập, các văn bản tố tụng; Biên bản phiên họp C khai chứng cứ, tuy nhiên anh S; chị H không đến Tòa án làm việc và không có văn bản ý kiến trình bày gửi cho tòa án mà không có L do, không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện anh S đã đóng tiền phường, họ hàng tháng cho anh B. Nên anh S; chị H đã tự từ bỏ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

Đối với ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án (Là nhưng người tham gia chơi phường) đều thể hiện việc anh S đã nhận đủ tiền phường, nhưng sau đó không đóng tiền phường cho trưởng phường là anh B, các suất phường của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã lấy phường đều đã được anh B trả đầy đủ. Do đó, số tiền anh S còn nợ tiền phường nêu trên là tiền của vợ chồng anh B và chị V.

Do đó có căn cứ để khẳng định việc anh S tham gia chơi phường cùng ông B và nợ tiền phường là có thật, vì vậy yêu cầu khởi kiện của anh B là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Xét về yêu cầu của anh B yêu cầu anh S và chị H có nghĩa vụ trả số tiền là 126.000.000 đồng HĐXX thấy rằng: Dây phường có 38 người tham gia chơi, tổng số xuất tham gia là 44 xuất, anh S tham gia hai xuất, anh S lấy phường thứ 3 và ngày 19/5/2019 số tiền được nhận là 127.000.000 đồng số tiền thực lĩnh là 42 xuất x 3.000.000 đồng = 126.000.000 đồng (Trong đó 1.000.000 đồng là tiền lãi của người lấy phường là anh S). Sau khi lấy phường anh S đã bỏ phường, không đóng tiền phường. Hiện nay dây phường trên chưa kết thúc. Anh B là TR phường là người pH đóng thay cho anh S. Như vậy anh S đã xâm phạm đến lợi ích của anh B, nên yêu cầu của anh B đề nghị vợ chồng anh S, chị H pH trả số tiền đã nhận tiền phường 126.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy số tiền anh S còn nợ tiền phường họ của anh B được xác định là 126.000.000 cần buộc anh Nghiêm Văn S và chị Ngô Thị H pH có nghĩa vụ TH1 toán trả cho anh B và chị V.

Quan hệ giữa anh Nghiêm Văn S và chị Ngô Thị H là quan hệ vợ chồng. Việc chơi phường, họ trong dân đều nhằm mục đích giúp đỡ lẫn nhau để phát triển kinh tế gia đình, thu nhập hợp pháp cũng như nợ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là thu nhập là nợ chung của vợ chồng. Căn cứ vào Điều 288 của B luật dân sự và Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì chị H, anh S pH chịu trách nhiệm liên đới đối với việc TH1 toán nợ phường 126.000.000 đồng cho anh B và chị V tiền phường họ còn nợ nêu trên là phù hợp.

Về yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 1.000.000 đồng của anh B là hoàn T2 tự nguyện, phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 5 B luật tố tụng dân sự năm 2015, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[4]. Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 146; Khoản 1 Điều 147; Khoản 3 Điều 144 B luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản L và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Anh Nghiêm Văn S và chị Ngô Thị H pH liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5].Kiểm sát viên Đ diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Gi phát biểu ý kiến; Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư K, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng trong vụ án cũng như phát biểu về việc giải quyết vụ án là phù hợp cần được chấp nhận.

Vì lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1 - Áp dụng: Điều 471; khoản 2 Điều 357, Điều 288 của B luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Điều 271; Điều 273; Điều 228; Điều 244 của B luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản L và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn B;

Buộc anh Nghiêm Văn S, chị Ngô Thị H có nghĩa vụ liên đới phải trả cho anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị V số tiền 126.000.000đồng (một trăm hai mươi S triệu đồng).

Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền làm đơn yêu cầu thi H1 án, người có nghĩa vụ thi H1 án pH chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi H1 án, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của B luật dân sự 2015, đối với số tiền pH thi H1 án tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Anh Nghiêm Văn S và chị Ngô Thị H pH chịu 6.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Anh Nguyễn Văn B nộp là 3.175.000 đồng, tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007675 ngày 10/11/2021 của Chi cục thi H1 án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Gi.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

TR hợp bản án, quyết định được thi H1 theo quy định tại Điều 2 luật thi H1 án dân sự, thì người được thi H1 án dân sự, người pH thi H1 án dân sự, có quyền thỏa thuận thi H1 án, quyền yêu cầu thi H1 án, tự nguyện thi H1 án , hoặc bị cưỡng chế thi

H1 án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 luật thi H1 án dân sự. Thời hiệu thi H1 án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi H1 án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Bắc Gi;
- VKSND huyện Hiệp Hòa,
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô TH1 Thuần